

BIỆN PHÁP TẠM GIỮ NGHI PHẠM THEO LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ LIÊN BANG NGA VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

LÊ TRỌNG TÀI *

Tóm tắt: Bài viết phân tích, đánh giá một số quy định của luật tố tụng hình sự Liên bang Nga về biện pháp tạm giữ nghi phạm, kết hợp đối chiếu với quy định của luật tố tụng hình sự Việt Nam. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số nội dung nhằm góp phần hoàn thiện quy định của luật tố tụng hình sự Việt Nam về biện pháp tạm giữ nói riêng, chế định biện pháp ngăn chặn nói chung như: sửa tên Chương VII Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thành “Biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự”; bổ sung quy định về tính thời hạn tạm giữ từ thời điểm thực tế cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra giữ, bắt người hoặc nhận người bị giữ, người bị bắt hoặc áp giải người bị giữ, người bị bắt về đến trụ sở hoặc cơ sở giam giữ; quy định rõ trường hợp nào được coi là “cần thiết” hoặc “đặc biệt” trong gia hạn tạm giữ và rút bớt 01 lần gia hạn tạm giữ (tổng thời hạn là không quá 06 ngày).

Từ khoá: Tạm giữ; nghi phạm; biện pháp ngăn chặn; biện pháp cưỡng chế; luật tố tụng hình sự Liên bang Nga

Nhận bài: 20/9/2021

Hoàn thành biên tập: 28/9/2022

Duyệt đăng: 28/9/2022

THE DETENTION OF SUSPECTS UNDER THE CRIMINAL PROCEDURE LAW OF THE RUSSIAN FEDERATION AND THE REFERENCE VALUE FOR VIETNAM

Abstract: The article analyzes and evaluates a number of provisions of the criminal procedure law of the Russian Federation on the detention of suspects, in comparison with the relevant provisions of Vietnam. Based on this, the author proposes a number of issues that contribute to the improvement of the provisions of the criminal procedure legislation of Vietnam on detention in particular and preventive measures in general, such as: Changing the title of Chapter VII of the Criminal Procedure Code 2015 into “Measures of coercion in criminal proceedings”; supplementing the provision on calculating the period of detention from the actual time of detention or arrest of a person by the body of inquiry or the body entrusted with carrying out a number of investigative actions, or the reception of a detained, arrested or escorted person, the return of detainees, arrested persons to places of detention or places of detention; clarifying which cases are considered “necessary” or “special” when extending the period of detention and removing the 01 period for extending detention (total period no more than 06 days).

Keywords: Detention; suspects; preventive measures; coercive measures; criminal procedure law of the Russian Federation

Received: Sept 20th, 2021; Editing completed: Sept 28th, 2022; Accepted for publication: Sept 28th, 2022

* Thạc sĩ, Khoa Luật, Học viện Cảnh sát nhân dân, E-mail: letrongtai32@gmail.com

Các biện pháp mang tính cưỡng chế luôn là phương tiện cần thiết của nhà nước nhằm thực hiện chức năng bảo vệ xã hội khỏi sự xâm hại của tội phạm, làm rõ sự thật khách quan, toàn diện vụ án hình sự, bảo đảm thủ tục tố tụng diễn ra đúng pháp luật. Tuy nhiên, việc sử dụng phương tiện này, trong đó có biện pháp tạm giữ sẽ hạn chế đáng kể các quyền và tự do hiến định của cá nhân. Việc giam giữ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của con người được Hiến pháp và các quy phạm pháp luật quốc tế bảo đảm. Khoản 1 Điều 9 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 quy định: “*Không ai bị bắt hoặc bị giam giữ vô cớ. Không ai bị tước quyền tự do trừ trường hợp việc tước quyền đó là có lí do và theo đúng những thủ tục mà luật pháp đã quy định*”¹. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng biện pháp tạm giữ tại Việt Nam vẫn còn những vướng mắc, thậm chí sai phạm do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân xuất phát từ chính bất cập của các quy định của pháp luật. Vì vậy, việc nghiên cứu quy định về biện pháp tạm giữ trong luật tố tụng hình sự (TTHS) Liên bang Nga - một trong những quốc gia có hệ thống pháp luật phát triển lâu đời, so sánh quy định của hai nước, cũng như đánh giá những ưu điểm, hạn chế, đề đề xuất các giải pháp nhằm bổ sung, hoàn thiện quy định của Việt Nam là hết sức cần thiết.

¹ Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Cong-uoc-quoc-te-ve-quyen-dan-su-va-chinh-tri-270274.aspx>, truy cập 11/9/2022.

1. Khái niệm, đối tượng, mục đích áp dụng biện pháp tạm giữ nghi phạm

- Về khái niệm tạm giữ nghi phạm

Bộ luật TTHS Liên bang Nga hiện hành² quy định biện pháp cưỡng chế tố tụng tại Mục IV với ba nhóm, bao gồm:

+ Tạm giữ nghi phạm (Chương 12);

+ Các biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú; bảo lãnh cá nhân; giám sát của chỉ huy đơn vị quân đội; giám sát bị can là người chưa thành niên; cấm một số hoạt động nhất định; đặt tiền hoặc tài sản để bảo đảm; quản thúc tại nhà; tạm giam (Chương 13);

+ Các biện pháp cưỡng chế tố tụng khác: buộc phải có mặt; dẫn giải; tạm đình chỉ chức vụ; kê biên tài sản; phạt tiền (Chương 14).

Như vậy, tạm giữ cùng với các biện pháp ngăn chặn và biện pháp cưỡng chế khác tạo thành hệ thống biện pháp cưỡng chế áp dụng đối với nghi phạm, bị can và những người tham gia tố tụng khác. Các nhà xây dựng luật của Liên bang Nga coi tạm giữ nghi phạm là biện pháp cưỡng chế độc lập, tách khỏi nhóm các biện pháp ngăn chặn bởi “*bản chất của biện pháp này là sự tước đoạt tự do của nghi phạm trong thời gian ngắn*”³.

² Bộ luật TTHS Liên bang Nga năm 2001, được Duma Quốc gia Nga thông qua ngày 22/11/2001, Hội đồng Liên bang Nga thông qua ngày 05/12/2001, có hiệu lực thi hành từ ngày 18/12/2001. Bộ luật này được sửa đổi, bổ sung một số điều vào các năm từ 2002 đến 2021 (trừ năm 2005). Lần sửa đổi, bổ sung gần nhất là Luật Liên bang số 294-F3, được Duma Quốc gia thông qua ngày 16/6/2021, Hội đồng Liên bang thông qua ngày 23/6/2021, Tổng thống Nga V. Putin kí ban hành ngày 01/7/2021. https://www.consultant.ru/document/cons_doc_LAW_34481/, truy cập 11/9/2022.

³ T. M. Сыщикова, П. Н. Шабанов (2012) “Задержание подозреваемого и домашний арест как меры процессуального принуждения”, *Правовая наука*

Đây là sự khác biệt đầu tiên về kỹ thuật lập pháp so với Việt Nam. Theo đó, Chương VII Bộ luật TTHS Việt Nam năm 2015 quy định “Biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế” gồm hai mục: Mục 1 - Biện pháp ngăn chặn và Mục 2 - Biện pháp cưỡng chế, trong đó tạm giữ được xếp vào nhóm biện pháp ngăn chặn. Việc đặt tên Chương VII trong Bộ luật TTHS Việt Nam là chưa thực sự phù hợp bởi nó chưa cho thấy rõ biện pháp ngăn chặn là một loại (nhóm) biện pháp cưỡng chế tố tụng, thậm chí có thể dẫn tới cách hiểu cho rằng biện pháp ngăn chặn và biện pháp cưỡng chế là những biện pháp độc lập và tạm giữ chỉ là biện pháp ngăn chặn chứ không phải biện pháp cưỡng chế tố tụng. Tuy nhiên, việc quy định tạm giữ là biện pháp ngăn chặn như luật TTHS Việt Nam là phù hợp với bản chất và mục đích áp dụng của nó.

Theo khoản 11 Điều 5 Bộ luật TTHS Liên bang Nga, tạm giữ nghi phạm (*tiếng Nga: Задержание подозреваемого*) là biện pháp cưỡng chế TTHS do cơ quan điều tra sơ bộ, điều tra viên, dự thẩm viên áp dụng trong thời hạn không quá 48 giờ kể từ thời điểm thực tế bắt giữ một người bị nghi ngờ phạm tội. Các nhà lập pháp của Nga sử dụng từ “*задержание*” là một thuật ngữ đa nghĩa, tùy thuộc vào ngữ cảnh, thường được dùng để chỉ các hành vi pháp lý khác nhau, có thể là bắt giữ, tạm giữ hoặc giam giữ theo nghĩa chung. Ví dụ, khoản 2 Điều 14 Luật Liên bang số 3-FZ ngày 07/02/2011 về Cảnh sát quy định lực lượng cảnh sát có quyền bắt giữ

đối với 13 nhóm đối tượng như: người bị tình nghi phạm tội, người bị áp dụng biện pháp tạm giam do luật TTHS quy định; người trốn khỏi nơi giam giữ, người trốn thi hành án hình sự, người trốn tránh nhận lệnh đưa đến nơi chấp hành án hoặc không đến nơi chấp hành án trong thời hạn nêu trong lệnh; người bị truy nã... Việc bắt giữ cũng được quy định trong Luật Liên bang về lực lượng Vệ binh Quốc gia Liên bang Nga⁴.

Với định nghĩa này, biện pháp tạm giữ nghi phạm theo luật TTHS Liên bang Nga có thể hiểu là sự kết hợp liên tiếp hai hành vi tố tụng là bắt một người bị nghi ngờ thực hiện hành vi phạm tội và giam giữ họ trong thời gian ngắn tại cơ sở giam giữ. Tuy nhiên, các nhà xây dựng luật và nhà khoa học Nga⁵ nhấn mạnh việc phân biệt giữa tạm giữ nghi phạm với tư cách là một biện pháp cưỡng

⁴ Федеральный закон от 03.07.2016 N 226-ФЗ (ред. от 01.07.2021) “О войсках национальной гвардии Российской Федерации” (Luật Liên bang ngày 07/7/2016 N 226-FZ (được sửa đổi vào ngày 01/7/2021) về quân đội của Vệ binh Quốc gia Liên bang Nga).

⁵ Р.А. Александров, И.Н. Кондрат, Т.Г. Николаева (2012), “Полномочия органов дознания и исполнение их обязанностей отдельными должностными лицами”, *Юридическая наука: история и современность*, № 7. С.70 - 76 (R.A. Alexandrov, I.N. Kondrat, T.G. Nikolaev (2012), “Quyền hạn của cơ quan điều tra sơ bộ và việc thực hiện nhiệm vụ của người có thẩm quyền”, *Тạp chí Khoa học pháp lý: lịch sử và hiện đại*, số 7, tr. 70 - 76). В.М. Лукин (2011), “Уголовно-процессуальный закон не запрещает задержать лицо по подозрению в совершении преступления до возбуждения уголовного дела”, *Юридическая наука: история и современность*, № 3. С.107 - 110 (V.M. Lukin (2011), “Luật Tố tụng hình sự không cấm việc tạm giữ người bị nghi ngờ phạm tội trước khi khởi tố vụ án hình sự”, *Тạp chí Khoa học pháp lý: lịch sử và hiện đại*, số 3, tr. 107 - 110).

и реформа юридического образования, №2 (25), С.174-177 (Т.М. Syshchikova, P.N. Shabanov (2012), “Biện pháp cưỡng chế tố tụng tạm giữ nghi can và quản thúc tại nhà”, *Тạp chí Khoa học pháp lý và cải cách giáo dục pháp luật*, số 2 (25), tr. 174 - 177).

ché TTHS được quy định tại Chương 12 Bộ luật TTHS với việc bắt một người để giao cho cảnh sát hoặc cơ quan thực thi pháp luật khác. Theo đó, công dân, nhân viên thực thi pháp luật hay lực lượng vệ binh quốc gia có quyền tiến hành việc bắt giữ và bàn giao người phạm tội cho cảnh sát hoặc các cơ quan thực thi pháp luật khác trong các trường hợp theo quy định⁶. Tuy nhiên, việc bắt giữ này không phải là thủ tục TTHS vì những người này không có quyền truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc tạm giữ một người bị tình nghi phạm tội theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 Bộ luật TTHS Liên bang Nga chỉ có thể được thực hiện bởi cơ quan điều tra sơ bộ, điều tra viên và dự thẩm viên (tức là những cơ quan, người tiến hành tố tụng theo luật định).

- Về đối tượng bị tạm giữ

Đối tượng bị tạm giữ theo luật TTHS Liên bang Nga được xác định là “nghi phạm”. Theo khoản 1 Điều 46, nghi phạm là người có liên quan đến vụ án hình sự đã được khởi tố; hoặc người bị áp dụng biện pháp tạm giữ theo những căn cứ quy định tại Điều 91; hoặc người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn trước khi khởi tố bị can; hoặc người đã được thông báo về việc họ bị nghi ngờ thực hiện tội phạm.

Đối tượng bị tạm giữ theo luật TTHS Việt Nam là người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc người bị bắt theo quyết định truy nã (Điều 117). Có nghĩa là những người này trước đó đã bị áp dụng một biện pháp ngăn chặn khác là giữ người trong trường

hợp khẩn cấp hoặc bắt người hoặc người sau khi phạm tội đã đến cơ quan chức năng để khai nhận về hành vi của mình. Như vậy, đối tượng bị tạm giữ theo luật TTHS Liên bang Nga rộng hơn so với quy định của Việt Nam.

- Về mục đích áp dụng biện pháp tạm giữ nghi phạm

Z.D. Musaeva nhấn mạnh, “*bản chất của tạm giữ với tư cách là một biện pháp cưỡng chế tố tụng chính là việc giam giữ người bị tình nghi phạm tội trong thời gian ngắn nhằm ngăn chặn hoạt động phạm tội của người đó, ngăn chặn việc người đó bỏ trốn, che giấu hoặc tiêu huỷ chứng cứ*”⁷. Bên cạnh đó, từ quy định về căn cứ trả tự do cho nghi phạm tại Điều 94 Bộ luật TTHS Liên bang Nga cho thấy việc áp dụng biện pháp này còn nhằm các mục đích đặc trưng sau: 1) Xác minh sự tình nghi, tức là chứng minh người bị tạm giữ có thực hiện tội phạm hay không; 2) Xác định căn cứ để áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam.

Trong Bộ luật TTHS Việt Nam, Điều 109 có đề cập mục đích áp dụng các biện pháp ngăn chặn nói chung và một số điều luật quy định về biện pháp ngăn chặn cụ thể như cấm đi khỏi nơi cư trú có nêu thêm mục đích nhằm bảo đảm sự có mặt của bị can, bị cáo theo giấy triệu tập của cơ quan điều tra,

⁶ Luật Liên bang về Cảnh sát, Luật Liên bang về lực lượng vệ binh Quốc gia, tldd.

⁷ З.Д. Мусаева (2016), *Задержание как мера процессуального принуждения*, Актуальные проблемы российского права и законодательства. IX Всероссийской научно-практической конференции студентов, аспирантов, молодых ученых, Красноярск, С. 283 - 285 (Z.D. Musaeva (2016), *Biện pháp cưỡng chế tố tụng tạm giữ*, Hội thảo của sinh viên, nghiên cứu sinh, nhà khoa học trẻ toàn Nga lần thứ IX tại Krasnoyarsk: Những vấn đề thực tiễn về luật và pháp luật của Nga, tr. 283 - 285).

viện kiểm sát, toà án (khoản 1 Điều 123). Mặc dù quy định về tạm giữ không nêu thêm các mục đích khác, tuy nhiên theo tác giả, việc áp dụng biện pháp ngăn chặn này cũng nhằm đạt được những mục đích được đề cập chung tại Điều 109 như để kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc phòng ngừa những hành vi gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử của người bị buộc tội. Có thể thấy, mục đích chung của việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định tại khoản 1 Điều 109 Bộ luật TTHS Việt Nam khá tương đồng với quy định của Liên bang Nga.

2. Căn cứ, thẩm quyền áp dụng biện pháp tạm giữ nghi phạm

- Về căn cứ tạm giữ nghi phạm

Theo Điều 91 Bộ luật TTHS Liên bang Nga, một người có thể bị tạm giữ khi họ bị nghi thực hiện tội phạm có hình phạt tù nhưng bên cạnh đó phải xuất hiện một trong các căn cứ sau:

1) Người đó bị bắt khi đang phạm tội hoặc ngay sau khi phạm tội (điểm 1 khoản 1 Điều 91). Trong trường hợp này, nghi phạm có thể bị bắt giữ bởi những người phát hiện thấy hành vi phạm tội, họ có thể là bị hại, người làm chứng, người canh gác, bảo vệ, sĩ quan cảnh sát, nhân viên cơ quan an ninh Liên bang (FSB), hải quan... Để khẳng định các căn cứ được ghi trong biên bản tạm giữ nghi phạm, những người đã bắt giữ nghi phạm có thể được lấy lời khai. Trên thực tế, việc bắt giữ một người vào thời điểm thực hiện tội phạm hoặc ngay sau khi thực hiện tội phạm là bằng chứng chắc chắn cho thấy nghi phạm có liên quan đến tội phạm⁸. Có

thể thấy, đây chính là hai trong ba trường hợp bắt người phạm tội quả tang theo luật TTHS Việt Nam.

Các nhà xây dựng luật Liên bang Nga không cho phép bắt giữ người đang chuẩn bị phạm tội bởi họ cho rằng, trong nhiều trường hợp, bản chất của các hành vi ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội không cho phép người quan sát bên ngoài phán đoán ý định phạm tội của một người⁹. Tư duy này khác với các nhà lập pháp Việt Nam. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 110 Bộ luật TTHS Việt Nam, biện pháp ngăn chặn giữ người được áp dụng trong trường hợp khẩn cấp đối với người đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Tác giả đồng tình với quan điểm của một số nhà nghiên cứu khi cho rằng, “hành vi chuẩn bị phạm tội tuy chưa gây thiệt hại cho các khách thể được Luật Hình sự bảo vệ nhưng nó đã đe dọa gây thiệt hại đến các khách thể này”¹⁰. Do vậy, việc áp dụng biện pháp ngăn chặn trong tình huống này là hoàn toàn phù hợp nhằm bảo vệ kịp thời các

психолого-социальный университет, Москва, № 4. С.162 - 170 (А.Н. Мусаев (2013), “Там giữ nghi phạm”, *Tạp chí: Luật công và tư*, Đại học Tâm lý và Xã hội Matxcova, Matxcova, số 4, tr. 162 - 170).

⁹ В.М. Жуйков (1997), *Судебная защита прав граждан и юридических лиц*, - М.: Юрид. бюро «ГОРОДЕЦ», 94 с. С. 45 (V.M. Zhuikov (1997), *Bảo đảm tư pháp về quyền của công dân và pháp nhân*, Sách chuyên khảo, Nxb. Pháp lý “GORODETS”, 94, tr. 45).

¹⁰ Phạm Thái, Đinh Văn Đoàn, Ngọc Quỳnh Anh (2020), “Một số vấn đề về biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015”, *Kiểm yếu hội thảo: Biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự*, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 10, tr. 19 - 32.

⁸ А.Н. Мусаев (2013), “Задержание подозреваемого”, *Журнал: публичное и частное право*, Московский

quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức trước nguy cơ bị tội phạm xâm hại nghiêm trọng.

2) Khi bị hại hoặc người trực tiếp nhìn thấy và xác định một người đã thực hiện tội phạm (điểm 2 khoản 1 Điều 91). Căn cứ này được xác định nhờ những thông tin thực tế do bị hại hoặc người làm chứng hoặc đồng phạm... cung cấp.

3) Khi phát hiện thấy dấu vết phạm tội trên cơ thể, quần áo, nơi xuất hiện hoặc tại nơi ở của người bị nghi thực hiện tội phạm (điểm 3 khoản 1 Điều 91).

Hai căn cứ này khá tương đồng với trường hợp giữ người khẩn cấp thứ hai và thứ ba theo quy định tại Điều 110 Bộ luật TTHS Việt Nam.

4) Có những “dữ liệu khác” để đưa ra căn cứ nghi ngờ một người phạm tội (khoản 2 Điều 91) (điều kiện cần). “Dữ liệu khác” chính là những thông tin, tài liệu như: từ kết quả khám nghiệm hiện trường vụ án cho thấy hành vi phạm tội của một người nào đó; lời khai của người làm chứng hoặc bị hại không phải là người trực tiếp nhìn thấy người phạm tội...

Tuy nhiên, nghi phạm chỉ có thể bị tạm giữ theo căn cứ này khi xuất hiện thêm một trong các điều kiện bổ sung (điều kiện đủ) sau đây:

- + Nghi phạm tìm cách bỏ trốn;
- + Nghi phạm không có nơi cư trú (tức là không có nơi sinh sống thường xuyên trên lãnh thổ Liên bang Nga¹¹);
- + Chưa xác định được nhân thân của nghi phạm;
- + Người có thẩm quyền đề nghị toà án

(bằng văn bản) áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với nghi phạm. Trong trường hợp này, biện pháp tạm giữ được áp dụng với mục đích để bảo đảm sự có mặt của nghi phạm trước toà án khi xem xét đề nghị áp dụng biện pháp tạm giam.

Có thể thấy, quy định về căn cứ tạm giữ theo luật TTHS Liên bang Nga có những nội dung khá tương đồng với các căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn giữ người trong trường hợp khẩn cấp và bắt người của Việt Nam. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn có sự khác biệt như: việc tạm giữ người ở Nga còn nhằm tạo điều kiện cho việc áp dụng biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc hơn là tạm giam. Những căn cứ theo luật TTHS Liên bang Nga phản ánh tư duy lập pháp của nhà xây dựng luật khi coi đây là một biện pháp cưỡng chế tố tụng chứ không đơn thuần là biện pháp ngăn chặn, bởi nó được kết hợp hai hành vi bắt và giam giữ tại cơ sở giam giữ nhằm phục vụ nhiều mục đích khác nhau.

- Về thẩm quyền áp dụng biện pháp tạm giữ nghi phạm

Như đã nêu ở mục 1, tại Liên bang Nga, bị hại, người làm chứng, nhân viên bảo vệ, công dân khác, cảnh sát, viên chức hải quan và cơ quan điều tra sơ bộ có thể bắt giữ nghi phạm tại hiện trường vụ án và đưa người đó đến cảnh sát, một cơ quan điều tra sơ bộ khác hoặc một cơ quan điều tra dự thẩm (tương tự như bắt người phạm tội quả tang theo luật TTHS Việt Nam). Tuy nhiên, theo khoản 1 Điều 91 Bộ luật TTHS Liên bang Nga, việc tạm giữ nghi phạm phải do điều tra viên hoặc dự thẩm viên thụ lý vụ án hình sự ra quyết định trong phạm vi chức năng và thẩm quyền của mình. Quy định này cũng khác với Bộ luật TTHS Việt Nam, khi theo

¹¹ Điểm 1 khoản 1 Điều 108 Bộ luật TTHS Liên bang Nga năm 2001.

Điều 114 và Điều 117, cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ là cơ quan điều tra đã giữ, bắt người hoặc cơ quan điều tra nhận được người bị giữ, người bị bắt mà không nhất thiết phải là cơ quan điều tra có thẩm quyền khởi tố, điều tra vụ án đó. Tác giả cho rằng, quy định của luật TTHS Việt Nam mang tính chất linh hoạt hơn, nhằm bảo đảm sự nhanh chóng, kịp thời trong đấu tranh chống tội phạm, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình giải quyết vụ án.

3. Một số thủ tục tạm giữ nghi phạm

- Về lập biên bản tạm giữ nghi phạm

Khoản 1 Điều 92 Bộ luật TTHS Liên bang Nga quy định, trong 3 giờ kể từ thời điểm bắt giữ thực tế, điều tra viên, dự thẩm viên phải lập biên bản tạm giữ (thay thế quyết định tạm giữ) nêu rõ ngày, giờ lập biên bản; ngày, giờ, địa điểm, bắt giữ, căn cứ và mục đích, thời hạn tạm giữ nghi phạm; kết quả khám xét người và những tình tiết khác khi tạm giữ (như tình trạng sức khoẻ của nghi phạm, những người có mặt khi tạm giữ...). Nghi phạm được nghe giải thích các quyền của mình theo Điều 46 Bộ luật TTHS Liên bang Nga, trong đó có quyền được sự hỗ trợ bởi người bào chữa kể từ thời điểm bị bắt giữ thực tế, việc này được ghi nhận trong biên bản. Biên bản tạm giữ phải có chữ kí của người lập biên bản và nghi phạm. Nếu người bào chữa tham gia TTHS kể từ thời điểm thực tế bắt giữ nghi phạm thì bắt buộc họ phải tham gia vào việc lập biên bản tạm giữ khoản 1.1. Điều 82). Một bản sao biên bản được giao cho nghi phạm nếu họ yêu cầu (điểm 1 khoản 4 Điều 46).

Đối chiếu quy định của Việt Nam, khoản 1 Điều 133 Bộ luật TTHS có nêu “khi tiến hành hoạt động tố tụng phải lập biên bản

theo mẫu thống nhất”. Tuy nhiên, các điều luật quy định về biện pháp ngăn chặn không có nội dung nào yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải lập biên bản tạm giữ người. Danh mục biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự cũng không có biên bản hoạt động tố tụng quan trọng này.

- Về lấy lời khai nghi phạm

Điều tra viên, dự thẩm viên có trách nhiệm lấy lời khai nghi phạm liên quan đến việc tạm giữ họ theo quy định về lấy lời khai trong Bộ luật TTHS Liên bang Nga, đặc biệt là Điều 190 - Những nguyên tắc chung khi tiến hành lấy lời khai. Việc lấy lời khai nghi phạm phải có sự tham gia của người bào chữa nếu nghi phạm không từ chối người bào chữa (khoản 2 Điều 46). Trước khi lấy lời khai, nếu nghi phạm có yêu cầu, điều tra viên, dự thẩm viên phải cho phép họ gặp và trao đổi riêng với người bào chữa. Trong trường hợp phải thực hiện các hoạt động tố tụng cần sự tham gia của nghi phạm, điều tra viên, dự thẩm viên có thể hạn chế thời gian của cuộc gặp nhưng phải thông báo trước cho nghi phạm và người bào chữa biết; tuy nhiên, thời lượng cuộc gặp không được ít hơn 02 giờ. Quy định này của luật TTHS Liên bang Nga nhằm bảo đảm tốt hơn quyền bào chữa của người bị tạm giữ.

Theo luật TTHS Việt Nam, về bản chất người bị tạm giữ là người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, bị bắt theo quyết định truy nã hoặc người phạm tội tự thú, đầu thú và đối với họ đã có quyết định tạm giữ (khoản 1

Điều 59) nên các nhà xây dựng luật mới chỉ quy định về lấy lời khai người bị bắt, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người phạm tội tự thú, đầu thú mà chưa quy định về lấy lời khai người bị tạm giữ. Tuy nhiên, Bộ luật TTHS vẫn quy định tư cách pháp lí của những người tham gia tố tụng này ở các điều luật khác nhau. Cùng với đó, thời hạn tạm giữ có thể kéo dài lên đến 09 ngày, trong thời gian này, cơ quan tố tụng vẫn tiến hành hoạt động lấy lời khai người bị tạm giữ (lúc này người bị giữ, người bị bắt đã tham gia TTHS với tư cách là người bị tạm giữ). Do đó, việc bổ sung quy định về hoạt động lấy lời khai người bị tạm giữ là hoàn toàn phù hợp.

- Về thông báo tạm giữ nghi phạm

Cơ quan điều tra sơ bộ, điều tra viên hoặc dự thẩm viên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho kiểm sát viên về việc tiến hành tạm giữ trong thời hạn 12 giờ kể từ thời điểm thực tế bắt giữ nghi phạm (khoản 3 Điều 92). Ngoài ra, theo khoản 1 Điều 96 Bộ luật TTHS Liên bang Nga, trong thời gian ngắn nhất có thể nhưng không quá 03 giờ kể từ khi được giao cho cơ quan điều tra dự thẩm hoặc điều tra viên, nghi phạm có quyền sử dụng điện thoại (có sự giám sát của điều tra viên, dự thẩm viên) để thông báo cho người thân¹², họ hàng¹³ hoặc người thân thiết khác¹⁴ biết

mình bị bắt giữ và những gì được ghi nhận trong biên bản tạm giữ. Trong trường hợp nghi phạm từ chối quyền thông báo qua điện thoại hoặc không có khả năng thực hiện do nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần thì điều tra viên, dự thẩm viên có trách nhiệm thông báo. Nếu một quân nhân bị tạm giữ thì chỉ huy của đơn vị quân đội sẽ được thông báo về việc này. Nếu người bị tạm giữ là nhân viên của cơ quan nội vụ thì thủ trưởng cơ quan nơi người đó đang làm việc sẽ được thông báo (khoản 2 Điều 96). Nếu thành viên của Ủy ban giám sát công vụ bị tạm giữ thì thư kí của Phòng công vụ Liên bang và Ủy ban giám sát công vụ có liên quan sẽ được thông báo (khoản 2.1 Điều 96). Nếu nghi phạm bị tạm giữ là luật sư thì Đoàn luật sư của thực thể Liên bang mà người đó là thành viên sẽ được thông báo (khoản 2.2 Điều 96). Đại sứ quán hoặc lãnh sự quán của các quốc gia sẽ được thông báo về việc tạm giữ một người là công dân hoặc đối tượng của quốc gia đó (khoản 3 Điều 96). Tất cả các trường hợp này, việc thông báo tạm giữ được thực hiện trong thời gian không quá 12 giờ kể từ thời điểm nghi phạm bị bắt giữ trên thực tế.

Luật TTHS Liên bang Nga cho phép nghi phạm được sử dụng phương tiện liên lạc để tự thông báo cho người thân về việc mình bị tạm giữ nhằm bảo đảm sự nhanh chóng, kịp thời (tất nhiên việc này phải được thực hiện dưới sự giám sát của người tiến hành tố tụng). Quy định này cho thấy các nhà xây dựng luật của Nga rất tôn trọng quyền cá

cũng như những người mà tính mạng, sức khoẻ và lợi ích của họ do những mối quan hệ cá nhân nên trở thành quý giá đối với bị hại, người làm chứng, ngoại trừ người thân và họ hàng.

¹² Theo khoản 4 Điều 5 Bộ luật TTHS Liên bang Nga năm 2001, người thân bao gồm: vợ, chồng, cha, mẹ, con đẻ, cha, mẹ nuôi, con nuôi, anh chị em ruột, ông, bà, cháu.

¹³ Theo khoản 37 Điều 5 Bộ luật TTHS Liên bang Nga năm 2001, họ hàng bao gồm tất cả những người khác có quan hệ họ hàng, trừ những người là người thân.

¹⁴ Theo khoản 3 Điều 5 Bộ luật TTHS Liên bang Nga năm 2001, người thân thiết khác bao gồm những người có tài sản chung với bị hại, người làm chứng

nhân của nghi phạm và mong muốn phát huy vai trò, hiệu quả của phương tiện công nghệ, thông tin trong hoạt động TTHS.

Nếu cần thiết phải giữ bí mật việc tạm giữ vì lợi ích của cuộc điều tra thì việc thông báo tạm giữ có thể không được thực hiện khi có sự đồng ý của kiểm sát viên, trừ trường hợp nghi phạm là người chưa thành niên. Quy định này được xây dựng dựa trên nội dung Điểm 10.1 Bộ quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên hợp quốc về hoạt động tư pháp đối với người chưa thành niên, được thông qua bởi Nghị quyết 40/33 ngày 29/11/1985 của Đại Hội đồng Liên hợp quốc (hay còn gọi là Bộ quy tắc Bắc Kinh): *“Trong những trường hợp bắt giam người chưa thành niên, cha mẹ hay người giám hộ người chưa thành niên đó phải được thông báo ngay về sự bắt giữ đó. Trong những trường hợp không thể thông báo ngay thì cha mẹ hay người giám hộ người chưa thành niên đó phải được thông báo trong thời gian sớm nhất có thể sau khi bắt giữ”*¹⁵.

Bộ luật TTHS Việt Nam mới chỉ quy định về thông báo việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người tại Điều 116 mà chưa quy định về thông báo việc tạm giữ người. Riêng đối với người chưa thành niên (luật TTHS Việt Nam quy định là người dưới 18 tuổi), khoản 5 Điều 419 Bộ luật TTHS có nêu: *“Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, người ra lệnh giữ,*

lệnh hoặc quyết định bắt, tạm giữ, tạm giam người dưới 18 tuổi phải thông báo cho người đại diện¹⁶ của họ biết”. Quy định này của Việt Nam đã bảo đảm được nội dung trong Bộ quy tắc Bắc Kinh về vấn đề thông báo cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên, tuy nhiên thời hạn đưa ra thông báo lại được quy định dài hơn 12 giờ so với luật TTHS Liên bang Nga.

4. Thời hạn tạm giữ nghi phạm

- Về thời hạn tạm giữ thông thường

Theo luật TTHS Liên bang Nga, việc tạm giữ nghi phạm được áp dụng không quá 48 giờ kể từ thời điểm nghi phạm bị bắt giữ trên thực tế (khoản 11 Điều 5). Thời hạn này ngắn hơn mức quy định không quá 03 ngày (72 giờ) của luật TTHS Việt Nam. Bộ luật TTHS Liên bang Nga giải thích “thời điểm bắt giữ thực tế” là *“thời điểm thực tế tước quyền tự do đi lại của một người bị tình nghi phạm tội, được thực hiện theo thủ tục do Bộ luật TTHS Liên bang Nga quy định”* (khoản 15 Điều 5). Tuy nhiên, cần lưu ý nếu nghi phạm được đưa đến cơ quan điều tra sơ bộ hoặc cơ quan điều tra dự thẩm bởi bị hại, thám tử tư, nhân viên bảo vệ hoặc bất kì công dân nào khác không phải là người của cơ quan điều tra sơ bộ hoặc cơ quan điều tra dự thẩm có thẩm quyền thì khi đó việc giao

¹⁵ Điểm 10.1 Bộ quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên hợp quốc về hoạt động tư pháp đối với người chưa thành niên, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Quy-tac-tieu-chuan-toi-thieu-ve-hoat-dong-tu-phap-doi-voi-nguoi-vi-thanh-nien-1985-275842.aspx?tab=7>, truy cập 11/9/2022.

¹⁶ Khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 06/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTĐBXH ngày 21/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về phối hợp thực hiện một số quy định của Bộ luật TTHS về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi quy định: Người đại diện của người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi được xác định theo thứ tự sau đây: a) Cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi; b) Người giám hộ; c) Người do toà án chỉ định.

nghi phạm cho cơ quan điều tra không phải là việc bắt giữ thực sự theo nghĩa được quy định tại khoản 11 Điều 5 Bộ luật TTHS Liên bang Nga. Trong trường hợp này, việc xác định thời gian thực sự bị tạm giữ được tính bắt đầu từ thời điểm người đó được đưa đến cơ quan điều tra sơ bộ hoặc đến một bộ phận khác của cơ quan thực thi pháp luật¹⁷. Nội dung quy định này phần nào đó giống quy định tại khoản 1 Điều 118 Bộ luật TTHS Việt Nam: “Thời hạn tạm giữ không quá 03 ngày kể từ khi cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nhận người bị giữ, người bị bắt hoặc áp giải người bị giữ, người bị bắt về trụ sở của mình” (khoản 1 Điều 18). Tác giả có cùng quan điểm với tác giả Đinh Văn Đoàn khi cho rằng, “đây là một quy định chung chung, không thể xác định được đó là thời điểm bắt đầu, diễn ra hay kết thúc việc áp giải người bị giữ, người bị bắt về trụ sở cơ quan có thẩm quyền, đặc biệt là trong trường hợp địa điểm giữ, bắt người ở xa so với trụ sở. Quy định này có thể dẫn đến việc hiểu và áp dụng không thống nhất trên thực tiễn, ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị tạm giữ”¹⁸. Bên cạnh đó, trên thực tế có những trường hợp người bị bắt, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp được áp giải đến trực tiếp trại tạm giam, nhà tạm giữ mà cơ sở giam giữ đó không nằm trong trụ sở làm việc của cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thì thời

hạn được tính như thế nào. Như vậy, quy định về cách tính thời điểm bắt đầu thời hạn tạm giữ của Việt Nam vẫn còn chưa đầy đủ.

- Về gia hạn tạm giữ

Điều 3 khoản 7 Bộ luật TTHS Liên bang Nga quy định: “Chỉ được ra quyết định gia hạn thời hạn tạm giữ trong thời hạn không quá 72 giờ tính từ khi toà án chấp nhận đề nghị của một trong các bên tham gia tố tụng để họ cung cấp thêm những chứng cứ xác đáng về tình có căn cứ hay không có căn cứ của việc lựa chọn biện pháp tạm giam. Trong quyết định gia hạn tạm giữ, phải nêu rõ việc gia hạn đến ngày nào và thời gian nào”. Như vậy, tổng thời hạn tạm giữ nghi phạm theo luật TTHS Liên bang Nga có thể là 120 giờ (tương đương với 05 ngày). Trong khi đó, tính cả 2 lần gia hạn (mỗi lần không quá 03 ngày) thì tổng thời hạn tạm giữ theo luật TTHS Việt Nam có thể lên tới 09 ngày.

Điều đáng chú ý trong quy định của luật TTHS Liên bang Nga là việc gia hạn tạm giữ được quy định liên quan đến thủ tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam. Nếu cần thiết phải tạm giam nghi phạm thì chậm nhất là 8 giờ trước khi hết thời hạn tạm giữ, điều tra viên với sự đồng ý của thủ trưởng cơ quan điều tra sơ bộ hoặc dự thẩm viên được kiểm sát viên đồng ý làm văn bản đề nghị toà án xem xét, quyết định. Như vậy, thẩm quyền gia hạn tạm giữ nghi phạm theo luật TTHS Liên bang Nga thuộc về toà án, trong khi luật TTHS Việt Nam cho phép cơ quan có quyền ra quyết định tạm giữ thì có quyền gia hạn nhưng phải được viện kiểm sát cùng cấp hoặc viện kiểm sát có thẩm quyền đồng ý.

Trong thời hạn 8 giờ kể từ thời điểm nhận được hồ sơ, toà án phải mở phiên toà

¹⁷ A.H. Mycaeb, tldd.

¹⁸ Đinh Văn Đoàn (2020), “Biện pháp tạm giữ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015”, *Kiểm yếu Hội thảo: Biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự*, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 10, tr. 62.

có sự tham gia của nghi phạm (hoặc bị can, trong trường hợp nghi phạm đã bị khởi tố bị can), kiểm sát viên, người bào chữa (nếu họ tham gia vụ án) để xem xét đề nghị áp dụng biện pháp tạm giam. Người đại diện hợp pháp của nghi phạm là người chưa thành niên, thủ trưởng cơ quan điều tra sơ bộ, dự thẩm viên, điều tra viên cũng có quyền tham gia phiên toà. Sau khi xem xét đề nghị, thẩm phán sẽ ra một trong những quyết định sau:

1) Áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với nghi phạm hoặc bị can;

2) Không chấp nhận đề nghị tạm giam. Trong trường hợp này, thẩm phán có quyền quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn đặt tiền hoặc tài sản để bảo đảm hoặc quản thúc tại nhà đối với nghi phạm. Nếu lựa chọn biện pháp đặt tiền hoặc tài sản để bảo đảm, toà án sẽ cho phép kéo dài thời hạn tạm giữ (48 giờ) cho đến khi nghi phạm đặt tiền hoặc tài sản, nhưng không quá 72 giờ kể từ ngày toà án ra quyết định. Nếu tiền hoặc tài sản không được đặt trong thời hạn quy định, toà án sẽ xem xét áp dụng một biện pháp ngăn chặn khác đối với nghi phạm, trong đó có biện pháp tạm giam (khoản 7 Điều 106).

3) Gia hạn thời hạn tạm giữ để các bên tham gia tố tụng có thêm thời gian bổ sung chứng cứ xác định căn cứ áp dụng biện pháp tạm giam.

Như vậy, luật TTHS Liên bang Nga quy định rõ việc gia hạn tạm giữ nhằm mục đích cho cơ quan tiến hành tố tụng có thêm thời gian xác minh căn cứ tạm giam hoặc để bảo đảm việc nghi phạm sẽ đặt tiền hoặc tài sản nếu nghi phạm được áp dụng biện pháp ngăn chặn này.

Trong khi đó, khoản 2 Điều 118 Bộ luật TTHS Việt Nam chỉ quy định trong “trường

hợp cần thiết” hoặc “trường hợp đặc biệt” thì có thể gia hạn tạm giữ mà không giải thích rõ ràng như thế nào là cần thiết, đặc biệt. Theo tác giả Hoàng Văn Hạnh, quy định này có thể dẫn đến việc hiểu và áp dụng không thống nhất giữa các cơ quan, người có thẩm quyền trong việc gia hạn tạm giữ¹⁹. Những thuật ngữ định tính trong văn bản luật thường dễ dẫn tới sự áp dụng một cách tùy nghi phụ thuộc vào từng vụ án cụ thể trên thực tế, khiến cho việc tạm giữ các đối tượng bị kéo dài, ảnh hưởng không nhỏ đến quyền và tự do của họ.

5. Trả tự do cho nghi phạm

Theo Điều 94 Bộ luật TTHS Liên bang Nga, nghi phạm sẽ được trả tự do theo quyết định của điều tra viên hoặc dự thẩm viên thụ lý vụ án khi xuất hiện một trong những trường hợp sau đây:

1) Việc nghi ngờ người đó thực hiện tội phạm là không chính xác. Trong trường hợp này phải chấm dứt các hoạt động tố tụng đối với nghi phạm (khoản 1 Điều 27) và nghi phạm có quyền minh oan theo Điều 133.

2) Không có căn cứ để áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với nghi phạm. Tuy nhiên, trong trường hợp này, sự nghi ngờ không bị loại bỏ mà nghi phạm có thể bị khởi tố bị can và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác như cấm đi khỏi nơi cư trú. Nếu chưa bị khởi tố bị can, nghi phạm cũng có thể bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác như đặt tiền hoặc tài sản để bảo đảm theo Điều 100.

3) Việc tạm giữ được thực hiện vi phạm các quy định tại Điều 91 về căn cứ, điều kiện áp dụng biện pháp này. Nghi phạm được trả tự do dựa trên căn cứ này có quyền được bồi

¹⁹ Hoàng Văn Hạnh (2008), “Hoàn thiện quy định về tạm giữ trong Bộ luật Tố tụng hình sự”, *Tạp chí Luật học*, số 7, tr. 14.

thường thiệt hại do tạm giữ trái pháp luật gây ra, tuy nhiên người đó vẫn giữ tư cách là nghi phạm cho đến khi việc truy cứu trách nhiệm hình sự bị đình chỉ.

4) Khi đã hết 48 giờ kể từ thời điểm thực tế bắt giữ, toà án không áp dụng biện pháp tạm giam hoặc không gia hạn thời hạn tạm giữ đối với nghi phạm.

Liên quan đến vấn đề này, theo khoản 3 Điều 94 Bộ luật TTHS Liên bang Nga, nếu quyết định của thẩm phán về việc áp dụng biện pháp tạm giam hoặc gia hạn tạm giữ không được ban hành trong thời hạn 48 giờ kể từ thời điểm bắt giữ nghi phạm thì thủ trưởng cơ sở giam giữ có trách nhiệm trả tự do ngay cho nghi phạm và thông báo cho cơ quan điều tra dự thẩm hoặc điều tra viên và kiểm sát viên đang thụ lý vụ án biết.

Sau khi được trả tự do, nghi phạm sẽ được cấp một giấy chứng nhận cho biết họ đã bị giam giữ bởi ai, ngày, giờ, địa điểm và căn cứ tạm giữ; ngày, giờ và căn cứ trả tự do (khoản 5 Điều 94). Ngoài ra, theo khoản 4 điều luật này, nếu có nghị quyết hoặc quyết định của toà án từ chối đáp ứng yêu cầu của điều tra viên, dự thẩm viên về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với nghi phạm thì một bản sao nghị quyết hoặc quyết định cũng phải được giao cho nghi phạm.

Các căn cứ trả tự do cho người bị tạm giữ theo luật TTHS Liên bang Nga khá giống với quy định của Việt Nam. Cụ thể gồm các trường hợp:

1) Theo khoản 4 Điều 117: Việc tạm giữ không có căn cứ hoặc không cần thiết. Trong trường hợp này viện kiểm sát ra quyết định huỷ bỏ quyết định tạm giữ và người ra quyết định tạm giữ phải trả tự do cho người bị tạm giữ;

2) Theo khoản 2 Điều 118: Viện kiểm sát

không phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ của cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra;

3) Theo khoản 2 Điều 118: Trong khi tạm giữ, nếu không đủ căn cứ khởi tố bị can đối với người bị tạm giữ. Trong trường hợp này cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trả tự do cho người bị tạm giữ; hoặc viện kiểm sát nếu đã gia hạn tạm giữ.

Đối với trường hợp này, vấn đề có thể phát sinh trên thực tế là, trong khi đang tạm giữ, nếu thấy không cần thiết phải tiếp tục tạm giữ thì cơ quan có thẩm quyền có được trả tự do cho người bị tạm giữ không²⁰. Trong khi đó, khoản 2 Điều 125 quy định như sau: *“Cơ quan điều tra, viện kiểm sát, toà án huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn khi thấy không còn cần thiết hoặc có thể thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác”*. Đây tiếp tục là một quy định sử dụng thuật ngữ mang tính chất định tính: *“không cần thiết”*.

Bên cạnh đó, về thủ tục trả tự do, Bộ luật TTHS Việt Nam chưa đặt ra yêu cầu cơ quan trả tự do cho người bị tạm giữ phải ra quyết định trả tự do và giao bản sao quyết định cho họ, mặc dù trong Danh mục biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự đã có văn bản này.

6. Một số kiến nghị, đề xuất

Từ những phân tích, đánh giá quy định của luật TTHS Liên bang Nga về biện pháp tạm giữ nghi phạm, đồng thời so sánh với quy định tương ứng của Việt Nam, tác giả đề xuất

²⁰ Đinh Văn Đoàn, tldd, tr. 65.

một số nội dung nhằm góp phần hoàn thiện quy định của Việt Nam về biện pháp tạm giữ và chế định biện pháp ngăn chặn như sau:

Thứ nhất, về kỹ thuật lập pháp, nhằm thống nhất cách hiểu và khẳng định biện pháp ngăn chặn là một nhóm biện pháp cưỡng chế TTHS, các nhà xây dựng luật Việt Nam có thể tham khảo tên Mục IV Bộ luật TTHS Liên bang Nga năm 2001 để đặt tên cho Chương VII Bộ luật TTHS năm 2015 là “Biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự”, trong đó, Mục 1 - Các biện pháp ngăn chặn và Mục 2 - Các biện pháp cưỡng chế khác. Việc đặt tên mục trong Chương VII tương đồng với đề xuất của một số nhà nghiên cứu khác²¹. Tuy nhiên, đối với biện pháp tạm giữ, tác giả đồng tình với quy định hiện tại của Việt Nam khi xác định đây là một trong những biện pháp ngăn chặn (giữ nguyên tại Mục I Chương VII).

Thứ hai, về thời hạn tạm giữ, xem xét bổ sung quy định về tính thời hạn như sau: “Thời hạn tạm giữ không quá 03 ngày kể từ thời điểm thực tế cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra giữ, bắt người hoặc nhận người bị giữ, người bị bắt hoặc áp giải người bị giữ, người bị bắt về đến trụ sở hoặc cơ sở giam giữ”.

Đối với gia hạn tạm giữ, tham khảo cách quy định chi tiết, rõ ràng của các nhà xây dựng luật Liên bang Nga, chúng ta cần ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về các căn cứ gia hạn tạm giữ, giải thích rõ trường hợp nào được coi là “cần thiết” hoặc “đặc biệt” nhằm

áp dụng thống nhất trong thực tiễn, góp phần đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ. Căn cứ để gia hạn tạm giữ có thể là để cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thời gian xác minh về nhân thân, lí lịch, hành vi phạm tội, mức độ liên quan đến vụ án của người bị giữ, người bị bắt, dùng làm căn cứ ra quyết định khởi tố vụ án (nếu vụ án chưa được khởi tố), khởi tố bị can, áp dụng biện pháp tạm giam... Bên cạnh đó, cần tổng kết thực tiễn thi hành Bộ luật TTHS năm 2015, đánh giá hiệu quả áp dụng các biện pháp ngăn chặn, trong đó có tạm giữ, đặc biệt là hiệu quả của việc gia hạn tạm giữ (trong thời gian gia hạn, cơ quan chức năng có thu thập được thêm tài liệu, chứng cứ hay không, có cần thiết phải gia hạn tạm giữ 02 lần không...). Việc thực hiện một chính sách hình sự sẽ có hiệu quả cao hơn trên cơ sở ưu tiên các quyền và tự do của cá nhân; đây cũng là điều kiện quan trọng nhất của nhà nước pháp quyền và là một trong những yêu cầu của một xã hội dân chủ. Do đó, nhằm bảo đảm tốt hơn quyền và tự do của người bị tạm giữ, nên nghiên cứu xem xét rút bớt 01 lần gia hạn tạm giữ (tổng thời hạn là không quá 06 ngày, luật TTHS của Liên bang Nga cũng chỉ cho phép tạm giữ tối đa không quá 05 ngày kể cả gia hạn). Cần lưu ý rằng, trong lịch sử, Bộ luật TTHS đầu tiên của nước ta ban hành năm 1988 cũng chỉ cho phép cơ quan có thẩm quyền được gia hạn tạm giữ một lần không quá 03 ngày (khoản 2 Điều 69).

Thứ ba, về thủ tục tạm giữ, cần luật hoá một số yêu cầu như lập biên bản tạm giữ, thông báo về việc tạm giữ và lấy lời khai người bị tạm giữ. Mặc dù luật TTHS Việt Nam đã quy định về việc ra quyết định tạm giữ, tuy nhiên cơ quan thi hành quyết định

²¹ Phạm Thái (2020), “Bàn về tính hệ thống của chế định biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự”, Kỷ yếu Hội thảo: *Biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự*, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 10, tr. 16.

này cần lập biên bản, trong đó ghi nhận một số nội dung cơ bản như: ngày giờ bắt đầu, địa điểm tạm giữ (cơ sở giam giữ), tình trạng người bị tạm giữ, việc thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ của người bị tạm giữ theo quy định tại Điều 59 Bộ luật TTHS... Biên bản này sẽ là một trong những nguồn chứng cứ xác định một số vấn đề quan trọng như người bị tạm giữ có được giải thích quyền, nghĩa vụ hay không, họ có bị nhục hình, tra tấn không, người bị tạm giữ có yêu cầu người bào chữa không... Đồng thời, hệ thống biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách trong điều tra hình sự cũng cần cập nhật mẫu biên bản tạm giữ người. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi có quyết định tạm giữ, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo cho người thân thích của người bị tạm giữ hoặc chính quyền địa phương nơi người bị tạm giữ sinh sống biết. Có thể tham khảo quy định của luật TTHS Liên bang Nga về việc cho phép sử dụng phương tiện liên lạc dưới sự giám sát của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; thông báo trong trường hợp người bị tạm giữ là chủ thể đặc biệt như viên chức ngoại giao, người nước ngoài, luật sư...

Thứ tư, về trả tự do cho người bị tạm giữ, có ba vấn đề cần hoàn thiện. *Một là*, để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 125 Bộ luật TTHS Việt Nam năm 2015 về huỷ bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn và thực tiễn có thể phát sinh. Tác giả có cùng quan điểm với tác giả Đinh Văn Đoàn về việc bổ sung trường hợp “xét thấy không cần thiết” trong khi tạm giữ có thể trả tự do cho người bị tạm giữ. Do đó, khoản 3 Điều 118 có thể quy định như sau: “Trong thời gian tạm giữ, nếu không đủ căn cứ khởi tố bị can hoặc xét thấy không cần thiết thì cơ quan điều tra, cơ

quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ; trường hợp đã gia hạn tạm giữ thì Viện kiểm sát phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ”²². *Hai là*, tương tự như quy định về các trường hợp “cần thiết”, “đặc biệt” trong gia hạn tạm giữ, cơ quan có thẩm quyền cũng cần có văn bản hướng dẫn cụ thể về các trường hợp “không cần thiết” có thể trả tự do cho người bị tạm giữ để các địa phương áp dụng thống nhất trên thực tiễn. *Ba là*, bổ sung quy định về việc ra quyết định trả tự do và giao bản sao quyết định này cho người bị tạm giữ nhằm bảo đảm sự chặt chẽ trong quy trình tố tụng và sự phù hợp giữa bộ luật với văn bản hướng dẫn thi hành./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A.H. Мусаев (2013), *Задержание подозреваемого*, Журнал: публичное и частное право, Московский психолого-социальный университет, Москва, № 4.
2. В.М. Жуйков (1997), *Судебная защита прав граждан и юридических лиц*, – М.: Юрид. бюро «ГОРОДЕЦ», 94 с.
3. В.М. Лукин (2011), *Уголовно-процессуальный закон не запрещает задержать лицо по подозрению в совершении преступления до возбуждения уголовного дела*, Юридическая наука: история и современность, № 3.
4. Đinh Văn Đoàn (2020), “Biện pháp tạm giữ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015”, *Kiểm điểm Hội thảo: Biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự*, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 10.

²² Đinh Văn Đoàn, *ltdđ*, tr. 65.

5. Hoàng Văn Hạnh (2008), “Hoàn thiện quy định về tạm giữ trong Bộ luật Tố tụng hình sự”, *Tạp chí Luật học*, số 7.
6. Р.А. Александров, И.Н. Кондрат, Т.Г. Николаева (2012), *Полномочия органов дознания и исполнение их обязанностей отдельными должностными лицами*, Юридическая наука: история и современность, № 7.
7. Т. М. Сыщикова, П. Н. Шабанов (2012), “Задержание подозреваемого и домашний арест как меры процессуального принуждения”, *Правовая наука и реформа юридического образования*, №2 (25).
8. Phạm Thái (2020), “Bàn về tính hệ thống của chế định biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự”, *Kí yếu Hội thảo: Biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự*, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 10.
9. Phạm Thái, Đinh Văn Đoàn, Ngọc Quỳnh Anh (2020), *Một số vấn đề về biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Hội thảo: *Biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự*, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 10.
10. З.Д. Мусаева (2016), *Задержание как мера процессуального принуждения*, *Актуальные проблемы российского права и законодательства*, IX Всероссийской научно-практической конференции студентов, аспирантов, молодых ученых, Красноярск.

THAY ĐỔI, BỔ SUNG, RÚT KHÁNG CÁO... (tiếp theo trang 36)

ảnh hưởng đến hoạt động kiểm sát, theo dõi của VKS cùng cấp và ảnh hưởng đến việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác trong vụ án hành chính. Cụ thể, đề xuất sửa khoản 4 Điều 218 như sau: “Việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo, kháng nghị trước khi mở phiên toà phải được lập thành văn bản và gửi cho toà án cấp phúc thẩm. Toà án cấp phúc thẩm phải thông báo cho các đương sự về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo, kháng nghị; thông báo cho VKS cùng cấp về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo của đương sự trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày người kháng cáo thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thị Mơ (2022), Trần Quốc Văn, “Bàn về hay đổi, bổ sung, rút kháng nghị của Viện kiểm sát theo thủ tục phúc thẩm vụ án hành chính”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 03.
2. Nguyễn Thị Thu Hà (2016), “Những sửa đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong Bộ luật Tố tụng dân sự 2015”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, số 06.
3. Lê Thị Mơ (2021), “Bất cập trong quy định của Luật TTHC về quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hành chính và kiến nghị hoàn thiện”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, số 05.
4. Nguyễn Văn Xô (chủ biên) (2008), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Thanh niên.
5. Viện Khoa học pháp lí (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb. Tư pháp.
6. Viện Ngôn ngữ học (2002), *Từ điển tiếng Việt phổ thông*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.